TAND HUYỆN CHƯƠNG MỸ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2017/HNGĐ - ST
Ngày: 17- 8 - 2017
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Lợi;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Mạnh Hà - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17/ 8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2017/TLST–HNGĐ ngày 29/05/2017 về "Đề nghị không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị T**, sinh năm 1976. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: phố B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt;

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1972. Đăng ký HKTT và cư trú: Thôn C, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26/5/2017, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị T trình bày:

1.1. Chị tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức làm đám cưới theo phong tục và chung sống như vợ chồng anh Nguyễn Văn C từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Trước khi tổ chức đám cưới thì hai anh chị có một lần đến UBND xã H gặp một người tên là P (hiện ông P đã chết) để nói chuyện về kế hoạch chuẩn bị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vì ông P là người cùng

làng, có họ với anh C đang công tác tại UBND xã H thì ông P không hướng dẫn và bảo cứ về. Do vậy anh, chị không kê khai làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không được đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, chị phát hiện anh C nghiện ma túy nên anh, chị thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Năm 2012 chị đã bỏ đi khỏi nhà anh C, sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị đề nghị Tòa án tuyên bố giữa chị và anh C không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Chị và anh C có 1 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/10/1996, hiện đã trưởng thành và tự lập, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

1.3. Về tài sản chung: Chị xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017, Bị đơn - Anh C trình bày:

2.1. Anh chung sống như vợ chồng với chị T và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Diễn biến quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ đi khỏi nhà anh không ai quan tâm đến ai từ năm 2012 đến nay đúng như chị T trình bày. Tòa án triệu tập anh đến Tòa án hòa giải để anh chị đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật anh không nhất trí và không đến Tòa án làm việc. Chị T đề nghị tuyên bố giữa chị và anh không phải là vợ chồng, anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

2.2. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Văn B đã trưởng thành và tự lập, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần đúng như chị T trình bày nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung**.**

3.3. Về tài sản chung: Anh xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. UBND xã H và UBND xã T (nơi sinh của chị T) đều xác nhận chưa tiến hành đăng ký kết hôn cho chị T với anh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về Tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn cố tình vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố

tụng dân sự về việc bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về Nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng**:

1.1. Bị đơn – Anh Nguyễn Văn C đang cư trú tại: Xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.2. Anh C đã được tống đạt hợp lệ: Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] **Về nội dung**:

2.1. Chị T và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1995 không đăng ký kết hôn là không tuân thủ quy định tại Điều 11Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8,9 Luật hôn nhân & gia đình 2014. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị T làm đơn đề nghị tuyên bố chị và anh C không phải là vợ chồng. Toà án đã có ý kiến để anh chị về đăng kết hôn, nhưng anh chị đều không nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa 02 anh chị là trầm trọng, kiên quyết không đăng ký kết hôn để chung sống vợ chồng. Cần áp dụng điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội Nước công hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam khoá X; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C.

2.2. Do anh chị có 01 con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần; không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung, về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] **Về án phí**: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam khoá X; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân &gia đình năm 2014;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân. Được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2015/0002817, ngày 29/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án so thẩm được niêm yết tại trụ sở UBND xã H.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ ;
- UBND xã N (trường hợp án có HLPL);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Minh Hoàng